

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 05 - 11 - 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông D Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 124/2020/HNGĐ-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1993 (có mặt)

Đăng ký thường trú: Số nhà 561E, CDC K9, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Dự án Sunset San nato, tổ 4, ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền về con chung và tài sản chung: Ông Kim Chan Đa R – sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1987 (có mặt).

Đăng ký thường trú: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Chị Lê Thị Diễm H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là chị Lê Thị Diễm H trình bày:

Chị và anh T đi đến hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/4/2017. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh chị đã ly thân từ ngày 15/8/2019 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phan Lê Ánh D (nữ), sinh ngày 06/02/2018. Do chị và anh T sau khi kết hôn chung sống cùng gia đình anh T, nên khi cháu D được 09 tháng tuổi thì chị và anh T gửi con cho cha mẹ chồng nuôi dưỡng để anh chị đi làm ăn tại thành phố Cà Mau. Đến khi ly thân, anh T cùng gia đình anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay thu nhập của chị ổn định đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T có 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại NVX, giá trị khi mua là 51.500.000 đồng, giá trị còn lại là 35.000.000 đồng. Nay chị và anh T tự thỏa thuận nên chị rút lại yêu cầu phân chia tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn là anh Phan Minh T trình bày:

Anh thống nhất theo trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Về hôn nhân: Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu D từ khi sinh ra đã sống cùng với gia đình anh, khi anh và chị H đi làm xa thì cháu D do cha mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng. Đến khi anh và chị H ly thân ngày 15/8/2019, anh và gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, anh xác định tuy anh đi làm ăn nhưng anh vẫn đi về thường xuyên để thăm và chăm sóc con. Chị H không trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng anh đi làm tại thành phố Cà Mau từ lúc cháu D 06 tháng tuổi. Đến khi ly thân chị H cũng không có về thăm con. Cho đến khi chị H về nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị H mới đến thăm con mỗi lần Tòa án mời tham gia tố tụng, tuy nhiên, gia đình anh vẫn luôn tạo điều kiện để chị H đến thăm nom con chung. Đồng thời, chị H hiện nay đi làm thuê, không có nhà ở ổn định nên anh không thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 124/2020/HNGĐ-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 218, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm H và anh Phan Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê Ánh D, sinh ngày 06/02/2018 cho anh Phan Minh T tiếp tục nuôi dạy. Chị Lê Thị Diễm H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thị Diễm H về việc phân chia tài sản chung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/8/2020 nguyên đơn, chị Lê Thị Diễm H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Phan Lê Ánh D, sinh ngày 06/02/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, chị H trình bày: Chị giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được nuôi con chung, vì chị có công việc ổn định, có thu nhập đảm bảo cuộc sống hai mẹ con. Anh chị gửi bé D cho bà nội khi cháu 09 tháng tuổi để đi làm tại thành phố Cà Mau nhưng tối vẫn về với con, khi ly thân chị yêu cầu đem con theo nhưng gia đình anh T không đồng ý. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với nội dung chị H trình bày trên, chị H lúc nào cũng tha thiết được nuôi con chung và chị sẽ đảm bảo cho cháu D có cuộc sống tốt.

Bị đơn, anh T trình bày: Anh không đồng ý giao con cho chị H nuôi vì gia đình anh nuôi sẽ tốt hơn, tuy anh đi làm xa gửi con cho ông bà nội nuôi nhưng anh thường về thăm con và gửi tiền lo cho con; nếu chị H trực tiếp nuôi con thì không có thời gian đi làm tạo thu nhập nên chị H giao con cho gia đình nuôi sẽ không tốt cho bé.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án

sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2020/HNGĐ-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định: Về hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm H và anh Phan Minh T.

Về con chung, giao cháu Phan Lê Ánh D, sinh ngày 06/02/2018 (nữ) cho anh Phan Minh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con

[2] Xét yêu cầu kháng cáo: Qua xem xét toàn diện chứng cứ thể hiện, sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình anh T, cho nên khi đi làm ăn ở thành phố Cà Mau và sau đó đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh thì gửi con cho mẹ anh T trông coi, chăm sóc từ khi bé khoảng 09 tháng tuổi. Do có mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ ngày 15/8/2019, theo chị H trình bày thời gian ly thân chị có về thăm con nhiều lần phù hợp với lời khai của anh T và bà Phạm Thị Mai (mẹ T) là thỉnh thoảng chị H về thăm con. Chứng tỏ chị H quan tâm đến cháu Ánh D và mong muốn được nuôi con, được gần gũi con. Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:....*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con.* Nếu xét về điều kiện kinh tế thì chị H có công việc và thu nhập ổn định lương bình quân mỗi tháng hơn 12.000.000đ, chị H đang ở chung với gia đình tại huyện Phú Quốc thì chị cũng có điều kiện chăm sóc con và người thân cũng phụ giúp chị trong việc chăm sóc cháu D; trong khi anh T đi làm thuê ở huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh thì anh gửi con cho mẹ ruột nuôi dạy (bút lục 80 và anh T trình bày tại phúc thẩm), Bản án sơ thẩm giao con cho anh T nuôi là vì anh T trình bày anh sẽ trực tiếp nuôi con, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh T xác nhận anh gửi con cho cha mẹ anh T chăm sóc. Trong khi chị H là mẹ ruột mong muốn được nuôi con là phù hợp với pháp luật, bởi vì không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì mới giao cho người khác nuôi. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...*”; hiện tại cháu Ánh D chưa đủ 36 tháng tuổi và cũng không có căn cứ nào chứng minh chị H không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của chị H, giao cháu Phan Lê Ánh D, sinh ngày 06/02/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T phải có trách nhiệm giao cháu D cho chị H. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2020/HNGĐ-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm chị H không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Diễm H; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2020/HNGĐ-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm H và anh Phan Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê Ánh D (nữ) sinh ngày 06/02/2018 cho chị Lê Thị Diễm H trực tiếp nuôi. Buộc anh T phải có trách nhiệm giao cháu D cho chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Diễm H về việc phân chia tài sản chung.

4. Về án phí

4.1- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 27/02/2020 chị H có nộp tạm ứng án phí là 1.588.000 đồng theo biên lai số 0011039 được đối trừ, chị H được nhận lại số tiền 1.288.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

4.2- Án phí phúc thẩm: Chị H không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0011378 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

